

Phật giáo có lời thề không?

ISSN: 2734-9195 13:30 17/01/2026

Nguyện không nhằm kiểm soát con người, mà nhằm giải phóng con người khỏi vô minh và chấp thủ. Nguyện không tuyệt đối hóa cá nhân hay quyền lực, mà luôn quy chiếu về chân lý, từ bi và trí tuệ.

Tác giả: **Ngô Minh Chương**

Dẫn nhập

Trong đời sống tôn giáo của nhân loại, “lời thề” từ lâu đã được xem như một hình thức ràng buộc thiêng liêng, mang tính cam kết tuyệt đối giữa con người với thần linh, cộng đồng hoặc một quyền lực siêu việt nào đó. Ở nhiều truyền thống tín ngưỡng, lời thề không chỉ là lời nói mà còn được bao bọc bởi nỗi sợ trừng phạt, tai họa hay hậu quả siêu nhiên nếu vi phạm. Chính vì vậy, khi hiện tượng “*thề thốt*” xuất hiện trong bối cảnh Phật giáo đương đại, đặc biệt là những hình thức thề độc, thề trung thành tuyệt đối với cá nhân hay tổ chức, câu hỏi đặt ra không chỉ là một thắc mắc ngôn từ, mà là một vấn đề căn bản về giáo lý, đó là Phật giáo có thừa nhận lời thề hay không, và nếu không, thì **Phật giáo** thiết lập cam kết tu tập bằng con đường nào?

Bài viết này tiếp cận vấn đề dưới góc nhìn của Phật học nguyên thủy và Đại thừa, nhằm làm sáng tỏ rằng trong toàn bộ hệ thống giáo pháp của đức Phật, không tồn tại “lời thề” theo nghĩa thần quyền hay cưỡng ép, mà chỉ có nguyện và giới, hai phạm trù mang bản chất đạo đức – tâm linh – tự nguyện, gắn chặt với trí tuệ và trách nhiệm cá nhân.

Vấn đề khái niệm và sự nhầm lẫn trong tiếp nhận Phật giáo

Trong ngôn ngữ đời thường, “*thề*”, “*hứa*”, “*nguyện*”, “*cam kết*” thường bị sử dụng thay thế cho nhau, dẫn đến việc áp đặt những khái niệm ngoại lai vào giáo lý Phật giáo. Bên cạnh đó, có một số cá nhân vì không hiểu giáo lý hoặc cực đoan mà dẫn đến hiện tượng “*thề*” trong Phật giáo.

Trên phương diện học thuật, cần khẳng định rằng “*lời thề*” theo nghĩa phổ biến, tức là một lời tuyên thệ có tính ràng buộc tuyệt đối, thường gắn với yếu tố trừng phạt siêu nhiên, không phải là một phạm trù căn bản trong tư tưởng Phật học. Đức Phật không xây dựng đạo đức trên nền tảng của nỗi sợ hãi hay sự đe dọa từ một quyền lực bên ngoài, mà trên nền tảng của trí tuệ, nhân quả và ý thức trách nhiệm của chính cá nhân.

Ngược lại, Phật giáo sử dụng hai cơ chế chính để định hướng hành vi và đời sống tu tập của con người: giới và nguyện. Việc phân biệt rạch ròi hai phạm trù này là chìa khóa để tháo gỡ mọi ngộ nhận xoay quanh vấn đề “*lời thề*” trong Phật giáo.



Ảnh sưu tầm

Giáo lý Phật giáo và bản chất của cam kết

Nền tảng đạo đức của Phật giáo được xây dựng trên khái niệm ý định (cetanā). Đức Phật dạy rõ rằng chính ý định mới là yếu tố tạo nghiệp, chứ không phải hình thức bên ngoài của hành vi. Từ quan điểm này, có thể thấy rằng một lời nói mang tính thể thốt, dù được phát biểu long trọng đến đâu, nếu không xuất phát từ sự hiểu biết và chuyển hóa nội tâm, thì không có giá trị giải thoát. Trái lại, một nguyện tâm chân thành, dù thầm lặng, nhưng được nuôi dưỡng bằng chính niệm và thực hành, lại có sức mạnh chuyển hóa sâu xa.

Trong đời sống Phật giáo, hình thức cam kết phổ biến và căn bản nhất là quy y Tam Bảo. Khi một người phát nguyện quy y Phật, Pháp, Tăng, họ “*không thề trung thành*” với một cá nhân hay tổ chức theo nghĩa thế tục, mà tự nguyện đặt đời sống tinh thần của mình nương tựa vào ba giá trị giác ngộ, chân lý và đoàn

thể tu hành thanh tịnh.

Quy y không phải là một lời thề bất khả hủy, mà là một định hướng sống, có thể được làm mới và củng cố mỗi ngày bằng thực hành.

Tiếp theo là giới luật, vốn thường bị hiểu lầm như những lời thề đạo đức. Thực chất, giới trong Phật giáo là những nguyên tắc huấn luyện hành vi, được đức Phật thiết lập nhằm bảo vệ đời sống cá nhân và cộng đồng, giúp hành giả tránh xa những nguyên nhân gây khổ đau. Đối với người xuất gia, giới luật có tính kỷ cương nội bộ rõ ràng; vi phạm giới sẽ dẫn đến các hình thức sám hối hoặc xử lý theo luật Tăng-già, chứ không phải là sự trừng phạt siêu nhiên. Đối với cư sĩ, việc thọ trì ngũ giới cũng hoàn toàn dựa trên tinh thần tự nguyện và hiểu biết, không ai có quyền cưỡng ép hay ràng buộc bằng nỗi sợ.

Ở truyền thống Đại thừa, khái niệm nguyện được phát triển sâu sắc thành Bồ tát nguyện, những đại nguyện như “*độ tận chúng sinh*”, “*đoạn tận phiền não*”, thoát nhìn có thể mang dáng dấp của một lời thề lớn, nhưng thực chất lại là biểu hiện cao nhất của tâm từ bi và trí tuệ. Bồ tát không thể vì sợ hãi, cũng không bị trói buộc bởi một quyền lực bên ngoài, mà tự nguyện gánh lấy trách nhiệm lâu dài vì lợi ích của tha nhân, với nhận thức rõ ràng về tính vô thường và vô ngã của bản thân.

Chính ở điểm này, ta thấy rõ sự khác biệt căn bản giữa nguyện của Phật giáo và lời thề của các hệ thống thần quyền. Nguyện không nhằm kiểm soát con người, mà nhằm giải phóng con người khỏi **vô minh** và chấp thủ. Nguyện không tuyệt đối hóa cá nhân hay quyền lực, mà luôn quy chiếu về chân lý, từ bi và trí tuệ.

Từ góc độ này, mọi hiện tượng sử dụng “*lời thề*” để áp đặt sự trung thành tuyệt đối với một cá nhân, đòi hỏi báo cáo, kiểm soát tư tưởng hay hành vi, đều cần được nhìn nhận một cách tỉnh táo và phê phán trên lập trường Phật học. Bởi lẽ, khi cam kết bị tách rời khỏi trí tuệ và tự do nội tâm, nó không còn là phương tiện tu tập, mà trở thành công cụ thao túng.

Bài học Phật học cho đời sống tu tập hôm nay

Từ nội dung trên, có thể khẳng định rằng, Phật giáo không đặt nền tảng đạo đức và tu tập trên lời thề, mà trên nguyện lực gắn với trí tuệ và giới luật gắn với trách nhiệm cá nhân. Mọi cam kết trong Phật giáo đều phải đi qua cửa ngõ của hiểu biết, tự nguyện và thực hành, chứ không thể dựa trên sự cưỡng ép hay sợ hãi.

Bài học quan trọng rút ra cho người học Phật hôm nay là cần phân biệt rõ giữa chính tín và mê tín, giữa nguyện lực giải thoát và thể nguyện ràng buộc. Người phật tử chân chính không cần thể độc để giữ đạo, mà cần nuôi dưỡng chính kiến để sống đúng. Người thầy chân chính không cần lời thể trung thành tuyệt đối, mà cần học trò có trí tuệ, có khả năng phản tỉnh và trưởng thành độc lập trong chính pháp.

Trên tinh thần đó, Phật giáo vẫn luôn là con đường của tỉnh thức, nơi con người được mời gọi phát nguyện bằng hiểu biết, giữ giới bằng tự giác, và chuyển hóa bằng hành động, chứ không phải bị trói buộc bởi bất kỳ hình thức thể thốt nào. Đó chính là chiều sâu nhân bản và giải phóng cao quý của giáo lý đức Phật.

Tác giả: **Ngộ Minh Chương**